

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 06-12-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.
2. Ông Trần Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Mai Văn T, sinh năm 1972.
- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: tổ 1, khu phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (đều có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 1, khu phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ 1, khu phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày: Vào tháng 02/2019 (âm lịch) tôi trực tiếp đưa cho em vợ là Nguyễn Văn U mượn 2.000.000 đồng và sau đó vợ tôi là bà Nguyễn Thị Ph trực tiếp đưa cho Nguyễn Văn U 01 chỉ vàng 24K (loại 9999) tương đương 4.160.000 đồng; tổng cộng 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng) để làm nhà ở và mua vật dụng trong gia đình; cho mượn không tính lãi. Khi em Nguyễn Văn U mượn có vợ U là em Lê Thị H biết; em U hứa sau khi làm nhà ở xong hoặc khi vợ chồng tôi cần thì em U hoàn trả lại. Khi vợ chồng tôi cần tiền và yêu cầu trả thì em Nguyễn Văn U không chịu trả và còn mâu thuẫn xúc phạm nhau. Nay tôi yêu cầu em Nguyễn Văn U cùng vợ U là em Lê Thị H liên đới trả lại cho vợ chồng tôi số tiền 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng); không yêu cầu tính lãi và phải trả trong một lần một.

Việc em Nguyễn Văn U cùng vợ là em Lê Thị H đề nghị trả dần hàng tháng từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng thì tôi không đồng ý. Ngoài ra tôi không tranh chấp hoặc yêu cầu gì thêm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Tôi hoàn toàn thống nhất với lời trình bày nêu trên của chồng tôi là anh Mai Văn T. Tôi yêu cầu em Nguyễn Văn U cùng vợ là em Lê Thị H liên đới trả lại cho vợ chồng tôi số tiền 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng); không yêu cầu tính lãi và phải trả trong một lần một.

Không đồng ý để em Nguyễn Văn U cùng vợ là em Lê Thị H trả dần hàng tháng từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Ngoài ra, tôi không tranh chấp hoặc yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày: Vào tháng 02/2019 (âm lịch) tôi có nhận từ anh rể là anh Mai Văn T 2.000.000 đồng và nhận từ chị ruột là chị Nguyễn Thị Ph 01 chỉ vàng 24K (loại 9999) tương đương 4.160.000 đồng; tổng cộng 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng), không tính lãi. Vay mượn số tiền và vàng trên vợ tôi là Lê Thị H hoàn toàn hay biết và vợ chồng sử dụng vào việc làm nhà ở và mua vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Do hoàn cảnh quá khó khăn vợ chồng tôi cam kết hàng tháng trả cho anh T và chị Ph hàng tháng từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trong quá trình trả nợ mà có thu nhập cao thì trả cao lên cho mau hết nợ. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu phản tố hoặc tranh chấp vấn đề gì khác đối với anh T và chị Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H trình bày: Năm 2017 tôi cùng chồng là anh Nguyễn Văn U chuyển đến Hà Tiên sinh sống. Vợ chồng tôi mượn đất cất nhà ở tạm thuộc tổ 1, khu phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Do không có tiền vợ chồng tôi có mượn tiền và vàng của anh-chị chồng là anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị P để làm nhà ở và mua vật dụng trong gia đình. Đến nay còn nợ vợ chồng anh T và chị Ph 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k tương đương 4.160.000 đồng; tổng cộng 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng). Do hoàn cảnh quá khó khăn vợ chồng tôi cam kết hàng tháng trả cho anh T và chị Ph từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trong

quá trình trả nợ mà có thu nhập cao thì trả cao lên cho mau hết nợ. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu độc lập hoặc tranh chấp vấn đề gì khác đối với anh T và chị Ph.

Nguyên đơn anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph: Không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn anh Nguyễn Văn U: Không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H: Không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H liên đới cùng trả cho anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph số tiền là 6.160.000 đồng. Ghi nhận việc anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph không yêu cầu tính lãi đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn U về đòi nợ tiền vay mượn. Phát sinh tranh chấp trên địa bàn thành phố P và là nơi bị đơn anh U cư trú, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Việc tranh chấp sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành các trình tự về thủ tục tố tụng; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa được kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

[3] Việc anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H thừa nhận với nhau là vợ chồng; cùng sử dụng số tiền vay vào mục đích chung trong gia đình, nên việc Tòa án đưa chị H vào tham gia tố tụng trong cùng vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cần thiết. Không xem xét yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập do bị đơn anh U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H không có yêu cầu.

[4] Xét việc vay tiền vàng giữa vợ chồng anh Mai Văn T, chị Nguyễn Thị Ph đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn U, chị Lê Thị H vào tháng 02 năm 2019 (âm lịch) là có thật. Vì hai bên không có xác lập hình thức hợp đồng cho vay bằng văn

bản nhưng trong quá trình tranh chấp và tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H hoàn toàn thừa nhận có nợ anh T, chị Ph số tiền 2.000.000 đồng và 01 (một) chỉ vàng 24 k (9999) tương đương 4.160.000.000 đồng; tổng cộng là 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng); không có thỏa thuận về trả lãi; thời hạn thanh toán là khi làm xong nhà ở hoặc khi cần thì trả lại. Khi vợ chồng anh T, chị Ph cần và yêu cầu vợ chồng anh U trả thì anh U không chịu trả từ đó hai bên xảy ra mâu thuẫn tranh chấp với nhau đến Tòa án. Qua giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần động viên hòa giải và tại phiên Tòa tiếp tục động viên hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm anh chị em ruột trong gia đình nhưng các bên không đi đến thống nhất, thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án; vợ chồng anh T, chị Ph yêu cầu trả một lần một; vợ chồng anh U, chị H xin trả hàng tháng từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phải xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy hai bên tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Việc vợ chồng anh U và chị H vay tiền từ vợ chồng anh T và chị Ph mà không trả tiền trong thời hạn cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định nói trên.

Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử đã cân nhắc và xét thấy việc vợ chồng anh U, chị H không đưa ra được phương thức trả nợ sớm và kéo dài thời gian trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng anh T, chị Ph, nên cần buộc vợ chồng anh U và chị H cùng liên đới có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền cho vợ chồng anh T, chị Ph là 6.160.000 đồng; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với việc vợ chồng anh T, chị Ph không yêu cầu vợ chồng anh U và chị H trả lãi do chậm trả tiền, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét.

[7] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 308.000 đồng ($6.160.000 \text{ đồng} \times 5\% = 308.000 \text{ đồng}$). Trả lại cho anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph đối với anh Nguyễn Văn U.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H liên đới có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph tổng số tiền là 6.160.000 đồng (Sáu triệu, một trăm sáu chục nghìn đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận và miễn xem xét việc anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph không yêu cầu trả lãi do chậm trả tiền đối với vợ chồng anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 308.000 đồng (Ba trăm lẻ tám nghìn đồng). Anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004799 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân